

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 7 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thiện.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Là Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa:
bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ 02, ấp TT, xã TL, huyện (nay là thị xã) TB, tỉnh An Giang - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ 02, ấp TT, xã TL, huyện (nay là thị xã) TB, tỉnh An Giang – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01 tháng 02 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y trình bày:

Thông qua mai mối, bà và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân và được hai gia đình tổ chức đám cưới, sau đó có đăng ký kết hôn ngày 21/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện (nay là thị xã) TB, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống tại gia đình cha mẹ ruột của ông T, khoảng 10 năm thì cất nhà ra ở riêng tại tổ 02, ấp TT, xã TL, huyện (nay là thị xã) TB, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gian sau này phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã và mỗi lần cãi vã ông T thường hành hung đánh đập vợ con. Mặt khác, ông T thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình, còn ghen tuông vô cớ, mặc dù bà Y đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không sửa đổi, từ đó mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, nên bà và ông T sống ly thân từ tháng 11/2022 âm lịch cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Y yêu cầu được ly hôn với ông T.

Bà Y và ông T có 02 con chung tên: Nguyễn Kh, sinh ngày 24/12/2004(đã trưởng thành và tự lập) và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/4/2008, hiện hai cháu đang được ông T nuôi dưỡng, chăm sóc. Ly hôn, bà Y đồng ý giao hai cháu cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con do kinh tế không ổn định.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: thống nhất về thời và điều kiện đi đến hôn nhân như bà Y đã trình bày. Ông T thừa nhận cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặt khác do làm ăn thua lỗ nên không có tiền phụ giúp vợ con, từ đó dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nên hai người đã sống ly thân từ ngày 27/12/2022 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, ông T đã 2 lần đến gặp bà Y nói chuyện để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà Y không đồng ý. Do còn thương vợ, nên ông T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên ông T có yêu cầu hoãn lại trong thời gian 30 ngày kể từ ngày 16/02/2013, cho ông có điều kiện tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Nếu sau thời hạn này mà bà Y không rút lại yêu cầu ly hôn, thì ông cũng đồng ý ký tên thuận tình ly hôn với bà Y.

Về con chung có 02 con chung tên: Nguyễn Kh, sinh ngày 24/12/2004(đã trưởng thành và tự lập) và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/4/2008, hiện hai cháu đang được ông T nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con, do kinh tế của bà Y không ổn định.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng không thành: bà Y yêu cầu ly hôn với ông T, ông T không đồng ý ly hôn; nhưng xin gia hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày 16/02/2023 cho ông có điều kiện tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì ông T cũng thuận tình ly hôn.

Về con chung: bà Y và ông T thỏa thuận giao cho ông T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Kh, sinh ngày 24/12/2004(đã trưởng thành và tự lập) và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/4/2008, bà Y không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không có yêu cầu

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: ông T không đồng ý ly hôn với bà Y; bởi vì hiện nay ông đang phải nuôi hai con đi học, nên yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng / tháng/2 con, yêu cầu cấp dưỡng một lần trong thời hạn 5 năm. Ngoài ra ông T còn yêu cầu bà Y phải cùng có trách nhiệm trả khoản nợ chung với số tiền khoảng 600.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng. Nếu bà Y đáp ứng được các yêu cầu trên thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tỉnh An Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:
 - + Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - + Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.
 - + Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tại các Điều 70,71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:
 - + Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn
 - + Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/4/2008 cho ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy. Bà Y không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không có yêu cầu
 - + Về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Bà Y có yêu cầu xin ly hôn với ông T hiện có nơi cư trú và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, ấp TY, xã TL, huyện (nay là thị xã) TB, tỉnh An Giang. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, theo qui định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt . Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung

[3]. Quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân, được sự chấp nhận của gia đình hai bên có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện (nay là thị xã)TB, tỉnh An Giang. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo bà Lê Thị Ngọc Y thì mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh nguyên nhân do tính tình không hợp, nên thường xuyên cãi vã, mà mỗi lần cãi vã ông T thường hành hung vợ con; ông T không biết chăm lo cho gia đình, thường tụ tập bạn bè ăn nhậu. Mặt khác, ông T còn ghen tuông vô cớ, mặc dù bà Y nhiều lần khuyên ngăn, nhưng ông T không sửa đổi. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn T thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nên sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, giữa ông với bà Y không có gặp nhau và cũng không tạo cơ hội để hàn gắn đoàn tụ. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn bởi vì ông có yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con và cũng có trách nhiệm trả nợ chung.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Vợ, chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” . Như vậy, xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, bà Y và ông không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2022 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không tạo được cơ hội để hàn gắn đoàn tụ, ông T cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Lý do ông T không đồng ý ly hôn không phải là vì tình cảm vợ chồng mà chỉ vì điều kiện yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con và trả khoản nợ chung. Từ đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, nếu có duy trì để tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc, do đó yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về con chung:

Bà Lê Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên: Nguyễn Kh, sinh ngày 24/12/2004 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/4/2008. Hiện tại

cháu Nguyễn Kh, sinh ngày 24/12/2004 đã trưởng thành và tự lập, nên không đề cập xem xét; đối với cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/4/2008, từ khi bà Y và ông T sống ly thân, cháu K được ông T nuôi dưỡng, chăm sóc. Ly hôn, cả hai thỏa thuận giao cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu K và tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thì cháu K cho biết cháu không có ý kiến gì về việc cha mẹ ly hôn, hiện tại cháu đang sống với cha (ông T). Nếu cha mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha (ông Nguyễn Văn T). Để đảm bảo sự phát triển tâm lý bình thường của đứa trẻ, và theo nguyện vọng của cháu, nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/4/2008 cho ông Nguyễn Văn T được chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc nuôi dạy con không cố định, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[6]. Tại phiên tòa, ông T có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Y phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời phải có trách nhiệm cùng trả khoản nợ chung. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập. Nay ông T có yêu thì giành quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Y khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: bà Lê Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2015 ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: ông Nguyễn Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/4/2008. Bà Lê Thị Ngọc Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: bà Lê Thị Ngọc Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008986, ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo Bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tịnh Biên;
- THADS thị xã Tịnh Biên;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiện